| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH NAM ĐỊNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Nam Định**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44 /2019/QĐ-UBND ngày 21 /11/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cơ quan thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phân công, phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác thẩm định, quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Các quy định khác về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật An toàn thực phẩm và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Nam Định.

### Điều 3. Nguyên tắc quản lý và cơ chế phối hợp

1. Tuân thủ theo nguyên tắc quản lý an toàn thực phẩm quy định tại Điều 3, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo, công khai, minh bạch.

2. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý bởi một cơ quan. Trường hợp cơ sở, sản xuất kinh doanh nhiều loại sản phẩm thì phân công một cơ quan chủ trì, cơ quan liên quan tham gia phối hợp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì. Cơ quan được giao chủ trì chịu trách nhiệm quản lý và có trách nhiệm giải trình với cơ quan cấp trên về các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm.

3. Các cơ quan, đơn vị cùng cấp hoặc khác cấp phải phối hợp thực hiện, chia sẻ thông tin từ lập kế hoạch đến khi kết thúc, báo cáo kết quả thực hiện để biết và phối hợp; kế hoạch của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch của cơ quan cấp trên thì thống nhất thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp cơ quan cấp dưới có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp trên xin ý kiến giải quyết.

4. Trường hợp phải thành lập đoàn liên ngành, cơ quan được giao chủ trì tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành thực hiện theo quy định.

## Chương II
## QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 4. Cơ quan thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

1. Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản

a) Thẩm định cơ sở sơ chế, chế biến độc lập; lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đấu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập) sản phẩm có nguồn gốc thực vật; lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết; truy xuất nguồn gốc cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm có nguồn gốc thực vật khi có cảnh báo của cơ quan Trung ương.

b) Thẩm định cơ sở chế biến; lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đấu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập) sản phẩm có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản) và lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

c) Thẩm định cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến (bao gồm cả tàu cá chế biến), kho lạnh độc lập, chợ đầu mối, chợ đấu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập sản phẩm thủy sản; lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết; truy xuất nguồn gốc cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm thủy sản khi có cảnh báo của cơ quan Trung ương.

d) Thẩm định các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước đối với muối và sản phẩm từ muối.

đ) Thẩm định cơ sở sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông, lâm, thủy sản; cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với cơ sở sản xuất nông, lâm, thủy sản; lưu thông, tiêu thụ trong nước đối với sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động

vật, thủy sản); nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

e) Thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc đối tượng kiểm tra của 02 đơn vị trở lên thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Thẩm định cơ sở trồng trọt, kể cả hoạt động sơ chế tại cơ sở trồng trọt có giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp hoặc có giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận kinh tế trang trại hoặc Hợp tác xã do Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

3. Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, sơ chế sản phẩm có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản) có giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp hoặc có giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận kinh tế trang trại hoặc Hợp tác xã do Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

4. Chi cục Thủy sản

Thẩm định cơ sở nuôi trồng thủy sản có giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp hoặc có giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận kinh tế trang trại hoặc Hợp tác xã do Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên), cảng cá và lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

**Điều 5. Cơ quan quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm bao gồm:

a) Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

b) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 6 mét;

c) Sơ chế nhỏ lẻ;

d) Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

đ) Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

2. Chi cục Thuỷ sản

Quản lý các tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 15 mét.

**Điều 6. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện quy định về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm.

3. Trường hợp có phát sinh loại hình sản xuất, kinh doanh mới thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT hoặc có biến động về tổ chức, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Sở quyết định phân công quản lý cho các cơ quan kiểm tra cấp tỉnh, đồng thời hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công cho cơ quan kiểm tra cấp huyện.

4. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao nhiệm vụ thẩm định

a) Tổ chức thẩm định, đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được phân công, phân cấp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định các cấp;

c) Thông báo công khai danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn thực thẩm thuộc phạm vi phân công trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

d) Cập nhật, rà soát, thống kê, lập danh sách các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản) theo quy định;

e) Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, thẩm định, đánh giá xếp loại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp.

**Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm cho các cơ quan có liên quan theo quy định.

**Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; xây dựng kế hoạch kiểm tra và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

3. Bố trí cân đối nguồn lực, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo phân công, phân cấp tại địa phương.

4. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

5. Thông báo danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm không chấp hành nội dung cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn theo phân cấp trên phương tiện thông tin đại chúng địa phương.

6. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động về quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý.

7. Cập nhật, rà soát, thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm, sản và thủy sản) theo quy định.

**Điều 9. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 và Điều 11 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## Chương III
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 10. Chế độ báo cáo**

Cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này có trách nhiệm báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản) theo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6), hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) và đột xuất theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác thẩm định, quản lý theo phân công, phân cấp tại quy định này để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

**Điều 11. Quy định chuyển tiếp**

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và các cơ sở đã thực hiện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trước ngày Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn ghi trên giấy.

2. Công tác kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn được thực hiện quy định tại các văn bản chuyên ngành hiện hành.

**Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

**Nguyễn Phùng Hoan**